

T, ngày 23 tháng 8 năm 2024.

Số: 14A/2024/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ khoản 3 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn Điều 351; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 90; 91; 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 7 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 46/2024/TLST-DS ngày 12 tháng 6 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Công ty cổ phần M

Địa chỉ: Tầng 12 tòa nhà Việt Á, số 9 Duy Tân, phường Dịch Vọng Hậu, quận Cầu Giấy, TP Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Công T – Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc T2 – Phó Giám đốc. (Văn bản ủy quyền số 01/2024/UQ-M ngày 19/4/2024)

Người nhận ủy quyền của ông Thành: Ông Trương Quang M – Chuyên viên XLN. (Văn bản ủy quyền số 467/2024/UQ-M.VPB ngày 06/6/2024)

- **Bị đơn:** Anh Lê Đức T3, sinh năm 1995

Ông Lê Đức T4, sinh năm 1979

Bà Văn Thị O, sinh năm 1979

Đều trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lê Xuân L, sinh năm 1940; trú tại: Thôn L, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Các bên đương sự xác nhận Ngân hàng TMCP V đã chuyển giao quyền yêu cầu đối với nghĩa vụ có tài sản bảo đảm của anh Lê Đức T3, bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4 cho Công ty cổ phần M tại các Hợp đồng cho vay số LN2202255267191 ngày 29/3/2022; Hợp đồng cho vay số LN2205065708191 ngày 11/5/2022; Thẻ tín dụng 236-P-0682221 ngày 05/4/2022; Thẻ tín dụng 236-P-0740213 ngày 13/10/2022; Thẻ tín dụng 236-P-6455294 ngày 19/5/2022.

2.2. Về số tiền nợ và nghĩa vụ thanh toán nợ theo Hợp đồng cho vay số LN2202255267191 ngày 29/3/2022; Hợp đồng cho vay số LN2205065708191 ngày 11/5/2022; Thẻ tín dụng 236-P-0682221 ngày 05/4/2022; Thẻ tín dụng 236-P-0740213 ngày 13/10/2022; Thẻ tín dụng 236-P-6455294 ngày 19/5/2022:

Anh Lê Đức T3, bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4 xác nhận nợ và có trách nhiệm trả nợ cho Công ty cổ phần M số tiền nợ tạm tính đến ngày 15/8/2024 theo các hợp đồng cho vay và thẻ tín dụng đã ký kết, cụ thể như sau:

- Theo Hợp đồng cho vay số LN2202255267191 ngày 29/3/2022 và khế ước nhận nợ kèm theo giữa Ngân hàng TMCP V với anh Lê Đức T3, số tiền nợ là 2.586.256.641 đồng, trong đó nợ gốc: 1.998.767.894 đồng, nợ lãi trong hạn: 43.859.950 đồng, nợ lãi quá hạn: 497.372.143 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 46.256.654 đồng.

- Theo Hợp đồng cho vay số LN2205065708191 ngày 11/5/2022 và khế ước nhận nợ kèm theo giữa Ngân hàng TMCP V với bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4,

số tiền nợ là 1.303.676.185 đồng, trong đó nợ gốc: 999.999.958 đồng, nợ lãi trong hạn: 29.848.868 đồng, nợ lãi quá hạn: 252.189.032 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 21.638.327 đồng.

- Theo Thẻ tín dụng 236-P-0682221 ngày 05/4/2022 của anh Lê Đức T3, số tiền nợ là 60.895.781 đồng, trong đó nợ gốc: 37.405.565 đồng, nợ lãi quá hạn: 21.310.408 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 2.179.808 đồng.

- Theo Thẻ tín dụng 236-P-0740213 ngày 13/10/2022 của anh Lê Đức T3, số tiền nợ là 34.032.458 đồng, trong đó nợ gốc: 22.518.217 đồng, nợ lãi quá hạn: 11.513.966 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 275 đồng.

- Theo Thẻ tín dụng 236-P-6455294 ngày 19/5/2022 của bà Văn Thị O, số tiền nợ là 50.697.418 đồng, trong đó nợ gốc: 29.631.507 đồng, nợ lãi quá hạn: 19.477.759 đồng, nợ lãi chậm trả lãi: 1.588.152 đồng.

Tổng cộng là: 4.035.558.208 đồng (Trong đó nợ gốc là: 3.088.323.141 đồng, nợ lãi trong hạn là 73.708.818 đồng, nợ lãi quá hạn là 801.863.308 đồng và nợ lãi chậm trả lãi là 71.662.941 đồng)

Anh Lê Đức T3, bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4 phải tiếp tục thanh toán các khoản nợ lãi phát sinh cho Công ty cổ phần M theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng cho vay số LN2202255267191 ngày 29/3/2022; Hợp đồng cho vay số LN2205065708191 ngày 11/5/2022; Thẻ tín dụng 236-P-0682221 ngày 05/4/2022; Thẻ tín dụng 236-P-0740213 ngày 13/10/2022; Thẻ tín dụng 236-P-6455294 ngày 19/5/2022 kể từ ngày 16/8/2024 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về xử lý tài sản thế chấp khi vi phạm nghĩa vụ trả nợ:

Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật, anh Lê Đức T3, bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4 không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ cùng lãi phát sinh tại Hợp đồng cho vay số LN2202255267191 ngày 29/3/2022; Hợp đồng cho vay số LN2205065708191 ngày 11/5/2022; Thẻ tín dụng 236-P-0682221 ngày 05/4/2022; Thẻ tín dụng 236-P-0740213 ngày 13/10/2022; Thẻ tín dụng 236-P-6455294 ngày 19/5/2022 thì Công ty cổ phần M có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mại các tài sản bảo đảm để thu hồi

nợ. Các tài sản bảo đảm là:

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 380A-1, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CB 836391, sổ vào sổ cấp GCN: CS-TTI 01234 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 19/1/2016 đứng tên ông Lê Đức T4. Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1279/2022, quyền số 01-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/3/2022 và Hợp đồng thế chấp số công chứng 2119/2022, quyền số 02-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/5/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 380A(1P), tờ bản đồ số 01, địa chỉ: xã P, huyện T, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CO 849857, sổ vào sổ cấp GCN: CS-TTI 08188 do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Hà Nội cấp ngày 27/9/2018 đứng tên ông Lê Đức T4. Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1278/2022, quyền số 01-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/3/2022 và Hợp đồng thế chấp số công chứng 2118/2022, quyền số 02-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/5/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi.

+ Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 380B, tờ bản đồ số 01, địa chỉ: thôn L, xã P, huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AM 974953, sổ vào sổ cấp GCN: 01048/TP/1049 do UBND huyện T, tỉnh Hà Tây (nay là thành phố Hà Nội) cấp ngày 29/4/2008 đứng tên ông Lê Đức T4 và bà Văn Thị O. Theo Hợp đồng thế chấp số công chứng 1280/2022, quyền số 01-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 29/3/2022 và Hợp đồng thế chấp số công chứng 2117/2022, quyền số 02-2022 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 11/5/2022 tại Văn phòng công chứng Nguyễn Khôi.

Anh Lê Đức T3, bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4 và những người đang sinh sống, quản lý tài sản thế chấp tại thời điểm xử lý tài sản có trách nhiệm bàn giao toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản, công trình gắn liền với đất trên thửa đất số 380A-1, thửa đất số 380A(1P), thửa đất số 380B; đều thuộc tờ bản đồ số 01 tại địa

chỉ: thôn L, xã P, huyện T, thành phố Hà Nội nêu trên cho cơ quan thi hành án có thẩm quyền để xử lý theo quy định của pháp luật.

Số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của anh Lê Đức T3, bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4 đối với Công ty cổ phần M. Nếu số tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì anh Lê Đức T3, bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Công ty cổ phần M.

2.4. Về án phí: Anh Lê Đức T3, bà Văn Thị O và ông Lê Đức T4 chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm là: 56.017.000 đồng.

Trả lại Công ty cổ phần M số tiền 54.000.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0016289 ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện T, thành phố Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án./.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Đoàn Lan Hương

